UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Khóa học : 2017-2019 (đợt 2)

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 1500/QĐ-ĐHTTr ngày 24 tháng 12 năm 2019

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
1	Hoàng Ngọc Ánh	3/18/1992	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095431	CĐVLVH2019/113	
2	Phạm Thị Ngọc Ánh	8/20/1993	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095432	CĐVLVH2019/114	
3	Đặng Thị Bình	4/15/1986	Tuyên Quang	Nữ	Dao	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095433	CĐVLVH2019/115	
4	Đào Thị Chiêm	11/5/1988	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095434	CĐVLVH2019/116	
5	Hà Thị Diệp	8/15/1990	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095435	CĐVLVH2019/117	
6	Hà Thị Duyên	9/16/1986	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095436	CĐVLVH2019/118	
7	Triệu Thị Đài	10/8/1987	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095437	CĐVLVH2019/119	

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
8	Trần Thị Thảo Hà	1/20/1990	Tuyên Quang	Nữ	Dao	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095438	CĐVLVH2019/120	
9	Nguyễn Thị Hằng	11/20/1990	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095439	CĐVLVH2019/121	
10	Vũ Thị Hằng	6/16/1993	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095440	CĐVLVH2019/122	
11	Nguyễn Thị Hiên	11/18/1991	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095441	CĐVLVH2019/123	
12	Trần Thị Hiền	10/6/1994	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095442	CĐVLVH2019/124	
13	Hoàng Thu Hiền	4/16/1997	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095443	CĐVLVH2019/125	
14	Nguyễn Thu Hiền	11/28/1987	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095444	CĐVLVH2019/126	
15	Bế Thị Hiệp	10/3/1985	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095445	CĐVLVH2019/127	
16	Hoàng Thị Hoa	5/26/1989	Tuyên Quang	Nữ	Cao lan	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095446	CĐVLVH2019/128	

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
17	Nguyễn Thị Hoài	8/23/1988	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095447	CĐVLVH2019/129	
18	Lê Bích Hồng	11/12/1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095448	CĐVLVH2019/130	
19	Hoàng Thị Huệ	9/6/1986	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095449	CĐVLVH2019/131	
20	Nguyễn Thị Huyên	6/23/1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095450	CĐVLVH2019/132	
21	Nguyễn Thị Thu Huyền	2/16/1978	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095451	CĐVLVH2019/133	
22	Quan Thị Hường	5/22/1992	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095452	CĐVLVH2019/134	
23	Tô Thị Hường	3/10/1991	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095453	CĐVLVH2019/135	
24	Vi Thị Hường	10/11/1997	Tuyên Quang	Nữ	Mông	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095454	CĐVLVH2019/136	
25	Hà Thúy Hường	8/18/1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095455	CĐVLVH2019/137	

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
26	Nguyễn Thị Lan	2/5/1992	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095456	CĐVLVH2019/138	
27	Mông Thị Lành	3/22/1993	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095457	CĐVLVH2019/139	
28	Phạm Thị Ngọc Lệ	12/16/1992	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095458	CĐVLVH2019/140	
29	Đỗ Thị Liêm	11/30/1992	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095459	CĐVLVH2019/141	
30	Nguyễn Thị Kim Liên	8/26/1982	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095460	CĐVLVH2019/142	
31	Mai Thùy Linh	07/09/1997	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095461	CĐVLVH2019/143	
32	Lã Thị Luyến	12/20/1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095462	CĐVLVH2019/144	
33	Vũ Thị Lương	8/28/1992	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095463	CĐVLVH2019/145	
34	Trịnh Thị Minh	3/23/1988	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095464	CĐVLVH2019/146	

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
35	Bùi Thị Mơ	12/26/1985	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095465	CĐVLVH2019/147	
36	Nguyễn Thị Phương Nga	5/12/1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095466	CĐVLVH2019/148	
37	Trần Thị Nga	10/2/1991	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095467	CĐVLVH2019/149	
38	Nguyễn Thị Nhàn	1/1/1987	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095468	CĐVLVH2019/150	
39	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9/30/1981	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095469	CĐVLVH2019/151	
40	Hoàng Thị Nhung	9/27/1989	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095470	CĐVLVH2019/152	
41	Lã Thị Nhung	10/21/1986	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095471	CĐVLVH2019/153	
42	Phan Thị Nhung	10/17/1985	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Xuất sắc	B1095472	CĐVLVH2019/154	
43	Nhữ Thị Phương	9/11/1991	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095473	CĐVLVH2019/155	

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
44	Nguyễn Thu Phương	11/25/1994	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095474	CĐVLVH2019/156	
45	Phạm Hồng Phượng	10/12/1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095475	CĐVLVH2019/157	
46	Ma Thị Phượng	11/22/1990	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095476	CĐVLVH2019/158	
47	Nguyễn Thị Phượng	2/2/1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095477	CĐVLVH2019/159	
48	Trần Thị Quý	4/10/1986	Tuyên Quang	Nữ	Dao	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095478	CĐVLVH2019/160	
49	Hoàng Thị Sen	9/22/1988	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095479	CĐVLVH2019/161	
50	Ma Thị Tâm	9/21/1993	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095480	CĐVLVH2019/162	
51	Nguyễn Thị Tâm	11/5/1970	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095481	CĐVLVH2019/163	
52	Ma Thị Thanh	3/2/1990	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095482	CĐVLVH2019/164	

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
53	Ma Thị Thoa	1/29/1986	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095483	CĐVLVH2019/165	
54	Chu Thị Thuận	4/4/1991	Tuyên Quang	Nữ	Hán	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095484	CĐVLVH2019/166	
55	Đỗ Thu Thủy	9/2/1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095485	CĐVLVH2019/167	
56	Hoàng Thị Thúy	4/11/1992	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095486	CĐVLVH2019/168	
57	Phan Thị Thuyết	3/25/1994	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095487	CĐVLVH2019/169	
58	Bàn Thị Hà Trang	5/24/1997	Tuyên Quang	Nữ	Dao	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095488	CĐVLVH2019/170	
59	Trần Thị Trang	12/1/1989	Tuyên Quang	Nữ	Cao lan	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095489	CĐVLVH2019/171	
60	Trần Thị Trang	10/14/1991	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095490	CĐVLVH2019/172	
61	Hà Thị Thúy Trinh	4/25/1982	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095491	CĐVLVH2019/173	

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
62	Vũ Thị Trọng	4/24/1984	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095492	CĐVLVH2019/174	
63	Nguyễn Thị Tuyết	11/29/1993	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095493	CĐVLVH2019/175	
64	Nguyễn Thị Tuyết	4/24/1991	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Giỏi	B1095494	CĐVLVH2019/176	
65	Trần Thị Tuyết	2/10/1985	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Xuất sắc	B1095495	CĐVLVH2019/177	
66	Lâm Thị Vân	10/26/1992	Tuyên Quang	Nữ	Cao lan	Việt Nam	Giáo dục mầm non	2019	Khá	B1095496	CĐVLVH2019/178	
67	Thào A Cại	8/11/1992	Tuyên Quang	Nam	H' Mông	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1022000	CĐVLVH2019/179	
68	Nguyễn Mạnh Chiến	1/15/1972	Tuyên Quang	Nam	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1021999	CĐVLVH2019/180	
69	Vũ Thị Chung	3/22/1991	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Giỏi	B1021998	CĐVLVH2019/181	
70	Đinh Tiến Cử	12/24/1986	Tuyên Quang	Nam	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1021807	CĐVLVH2019/182	

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
71	Ma Thị Diệu	4/12/1989	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1021806	CĐVLVH2019/183	
72	Lý Tài Đức	7/12/1989	Tuyên Quang	Nam	Dao	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1021805	CĐVLVH2019/184	
73	Lý Thị Hà	10/22/1990	Tuyên Quang	Nữ	Dao	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1021804	CĐVLVH2019/185	
74	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/21/1994	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Giỏi	B1021803	CĐVLVH2019/186	
75	Lại Thị Thu Hoài	9/1/1981	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1021802	CĐVLVH2019/187	
76	Hà Thị Huế	12/20/1994	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1060434	CĐVLVH2019/188	
77	Ma Thị Huệ	10/1/1988	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Giỏi	B1060435	CĐVLVH2019/189	
78	Hoàng Kiều Linh	11/28/1994	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1060436	CĐVLVH2019/190	
79	Nguyễn Thị Nga	3/19/1990	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Giỏi	B1060437	CĐVLVH2019/191	

Stt	Họ và tên	Ngày Sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng	Ghi chú
80	Phạm Thị Mai Phương	3/9/1977	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1060438	CĐVLVH2019/192	
81	Sằm Văn Quyền	8/5/1991	Tuyên Quang	Nam	Tày	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1060439	CĐVLVH2019/193	
82	Nguyễn Thị Thúy	8/14/1991	Tuyên Quang	Nữ	Tày	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1060440	CĐVLVH2019/194	
83	Hoàng Thị Huyền Trang	3/13/1994	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1060442	CĐVLVH2019/195	
84	Tạ Thị Hải Yến	4/19/1994	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Giáo dục Tiểu học	2019	Khá	B1060441	CĐVLVH2019/196	

Xuất sắc	0
Giỏi	4
Khá	14
TB	0